

MỘT SỐ TỪ NGỮ DÙNG ĐỂ TẢ NGƯỜI

1. HÌNH DÁNG, THÂN HÌNH

- Cao – lùn – gầy gò – ốm yếu – nhỏ nhỏ – tầm thước – xương xương – choai choai – mảnh khảnh – dong dong – thon — béo phệ – mập mập – lực lưỡng – vạm vỡ – cục mịch – răn rỏi – phồng phao – cường tráng – cân đối – gọn gàng – mập phù – gầy guộc- cân đối
- Em bé: sỗ sữa, bụ bẫm, mập ú, tròn trĩnh, trắng như cục bột, ...
- Phụ nữ: mảnh mai (dẻ), yếu điệu, uốn éo, dịu dàng, bệ phệ
- Người già, người lao động khổ sở: cằn cỗi, tiều tụy, bơ phờ, uể oải.

2. DIỆN MẠO, KHUÔN MẶT

Tròn trĩnh (trịa) – vuông vắn – bầu bĩnh – thon thon – dài – trái xoan – đầy đặn – gân guốc – sáng sủa – khôi ngô – đầy vết sẹo – xấu xí – rỗ như tổ ong – rỗ hoa – hồng hào – trắng trẻo – đen sạm – rám nắng – xanh xao – tái mét – tươi tỉnh – niềng nở – hớn hờ – ủ rũ – cau có – nhăn nheo – hốc hác – bơ phờ – hung tợn – hiền hậu – dễ thương – nghiêm trang – đạo mạo – thơ ngây – thản nhiên – thông minh – đàn độn – khờ khạo – làm lì – là lạ – quen thuộc – khả ái- mặt trái xoan – mặt búp sen – mặt trắng rằm – mặt lưỡi cày – mặt chữ điền- mặt chữ V,.....



Thư viện tiểu học – Ươm mầm tương lai

3. LÀN DA

Nhăn nheo (nhú) – mịn màng – chai cứng – nứt nẻ — nhiều vết sẹo – hồng hào – đỏ thắm — đen sạm – bánh mật – ngăm ngăm – ngăm đen – sần sùi – tái mét – xanh xao – xanh lét – xanh như tàu lá — trắng ngà – trắng nõn – nõn nà – sần sùi – thô ráp – Sô-cô-la – nâu bóng – rám nắng,...

4. TÓC, RÂU, LÔNG MÀY, LÔNG MI

- Tóc: dày dặn – mỏng – thưa thớt – mượt mà – suôn mượt – óng ả- khô rối – xơ xác – cháy nắng – bông bênh – bông xù – suôn thẳng- chải chuốt – gọn gàng – bù xù – bay phờ phạc – xoa tới bờ vai – dài tới gáy – hót ngắn sát da đầu – rối như bụi nhùi – bạc phơ – lốm đốm bạc – bạc hoa râm,...

- Râu, lông mày, lông mi:

Cứng – mềm – mượt – rậm sưa – thưa thớt – lơ thơ – ngắn – dài – lượt thượt – lún phún – lờm chờm – đen mượt – suôn đuột – quăn – vàng hoe – xồm xoàm,...

5. ĐẦU:

Tròn – dẹp – to – nhỏ – sồi – hói – có sọc,...

6. TRÁN



Thư viện tiểu học – Ươm mầm tương lai

Rộng – hẹp – gồ – cao – thấp – vuông – nhọn, ...

7. MẮT

Tròn vo – xéch – bờ câu – có quàng – lồi – híp – trố – đen huyền – đen láy – trong vắt – long lanh – u buồn – trắng đục – đỏ ngầu (lom, boc, gay) – lá rằm, lá khoai- hạt nhãn- mắt ốc nhồi – ti hí mắt lươn – mắt sáng – mắt buồn – mắt cười- lúng liếng,.....

8. MŨI

To – nhỏ – tẹt – cà chua – dọc dừa – thấp – cao –hếch – gồ – thon – đỏ hồng- nõ- vẹo – tròn,...

9. MÁ

Cao — hóp – tóp – bầu – phúng phính – lúm đồng tiền – nhô xương xẩu – hồng – ửng hồng.

10. MIỆNG

Móm – rộng – rộng ngoác – loe – nhỏ – nho nhỏ- nhỏ nhắn – chúm chím – hô,..

11. MÔI

Dày – mỏng dính- cong – tều- trề- nứt nẻ – đỏ thắm – đỏ như son – hồng tươi – nhợt nhạt – thâm đen – xám ngắt, ...

12. RĂNG

Hô – sún – lồi xỉ – đều đặn – nhỏ nhắn – san sát – trắng nõn (bóng) – trắng như trắng men sứ – vàng khè – lung lay – đều tăm tắp,.....

13. CẢM

Chìa ra – nhô ra trước mặt – nhọn – vuông- chẻ - nhọn – lồi – lún phún râu – lòng thòng một chòm râu – lơ phơ mấy sợi râu, ...

14. CỔ

Cao- mảnh khảnh – no tròn –ngắn –rụt,...

15. VAI

Ngang – xệ – hõm vào – nở nang – hẹp – co ro- tròn trịa – vuông vức...

16. NGỰC

Lép xẹp – hõm vào – nở nang- đầy đặn – lòi xương sườn ...

17. BỤNG

Thon - phệ –nần nẫn đầy những mỡ – thóp vào...

18. LƯNG

Còng – gù – khom – thẳng – dài...

19. TAY CHÂN

Xinh xắn – mềm mại – dịu dàng – mũm mĩm – bụ mẫm – no tròn – tròn trĩnh – phốp phác – vạm vỡ – lực lưỡng – dẻo dai – rắn chắc – thô kệch – cục mịch – nhỏ nhắn – bé bỏng – khẳng khiu – tong teo – mảnh khảnh – gân – guộc – ngắn ngủi – yếu ớt –trắng trẻo (nõn, hồng, muốt...) – đen đui (sạm, ngăm) –

Bàn tay: mềm mại – chai cứng – nứt nẻ – nổi đầy gân...

Ngón tay: Ngòi viết – dùi đục – thon thon- búp măng – mập mạp,...

20. MỒ HÔI



Thư viện tiểu học – Ươm mầm tương lai

Rướm – toát – lấm tấm – nhễ nhại – nhỏ giọt – ướt sũng – lăn từng dòng – chảy ròng ròng – nhầy nhụa,...

21. CÁCH ĂN MẶC, QUẦN ÁO (Y PHỤC)

Chỉnh tề- sang trọng- thanh lịch- nhã nhặn- kiêu sa – tươm tất – kín đáo – hờ hang – gọn gàng – tha thuột - sạch sẽ – lành lặn – diêm dúa – loè loẹt – ngộ nghĩnh – dơ dáy – xóc xếch – lụng thụng – luộm thuộm – rách rưới – bó sát mình – giản dị – đơn sơ – kiêu cách...

22. ĐIỀU BỘ

Đường hoàng – chững chạc – chậm rãi (chạp) – khoan thai – háp tấp – nhanh nhẹn – láu táu – nghiêm trang (ngĩnh) – lý lắc – hí hửng – tháo vát – uể oải – mệt nhọc – thờ thần – hăng hái (say) – bền lễn – ngượng nghịu – lúng lúng – bỡ ngỡ – lính quính – bình thản – tự nhiên – duyên dáng – hùng dũng...

23. TIẾNG NÓI, KÊU, LA

Ồ ề – the the – chát chúa – êm dịu – khàn khàn – lè nhè – trong trẻo – éo éo – oang oang – ồn ào – ngọt ngào – thều thào – ngân nga – rỗ rảng – lạnh lạnh – sang sảng – âm áp – nheo nhéo – êm dịu.

24. CỬ CHỈ, HÀNH VI

NHÌN: đăm đăm – chăm chú – chòng chọc – dáo dác – ngơ ngác – lừ đừ – trù mền – hần học – đăm đuôi – lim dim – mơ màng – tình tứ...

NÓI: Thì thầm (thào) – chậm rãi – rõ ràng – xì xào – rì rầm – lảm bảm – bập bẹ – ám cúng – luyên thuyên – lảm nhảm – lải nhải – cần rần – cầu nhàu – chững chạc – liên thoảng – hài hước – pha trò – tía lia – hần học – khấn khoản – vồn vã – niền nở – ngọt ngào – cộc lốc – khiêm tốn – lễ độ – thô bỉ – bông đùa – chọc ghẹo – ngân dài – gằn từng tiếng ...

CUỖI: ngắt – mím – rộ – xoà – Khanh khách – ha hả – khúc khích – hề hề – hi hí – sảng sặc – giòn giã – chúm chím – tùm tùm – toe toét – duyên dáng.

KHÓC: oà – mếu máo – sụt sùi – nghẹn ngào – nức nở – rung rức – sụt sùi – hu hu – thút thít – nước mắt đầm đìa ...

NĂM: sóng soài (sượt) – co ro – chễm chệ ...

ĐỨNG: tần ngần – im như pho tượng – sững – khoan thai ...

NGỒI: chễm chệ – co ro – ủ rũ – bó gối – khoan thai – xếp bằng tròn – thừ lừ ...

ĐI: chững chạc – khoan thai – hấp tấp – lão đảo – lọng chọng – chập chững – rầm rập – rảo bước – lang thang ...

CHAY: cuống cuồng – tung tăng – loạn xạ – tán loạn – lon ton – quanh quẩn – tất tưởi (tả) – vùn vụt – ào ào ...

LÀM VIỆC: hí hoáy – hì hục – loay hoay – cặm cụi – say sưa – mãi miết – xoay xở – hăng say – hăm hở – thông thả – hấp tấp – thành thạo – vụng về – tất tả ...

25. TÍNH HÌNH

Khoác lác – ba hoa – trầm tĩnh – láu táu – cau có – nghiêm nghị – đứng đắn – chững chạc – dè dặt – thật thà – bạo dạn – khắt khe – lười nhác – tham lam – siêng năng – hiền hậu – ôn hoà – vui vẻ – vị tha – ít nói – thận trọng – cầu thả – hời hợt – nhút nhát – lỗ mãng – thô bỉ ...

DÀN Ý CHI TIẾT- TẢ NGƯỜI

Đề 1: Tả hình dáng và tính tình thầy giáo đã dạy em mà em kính yêu nhất

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu thầy giáo của em

- Em không thể nào quên được hình ảnh người thầy...
- Thầy đã tận tụy dạy em trong suốt năm học lớp Bốn.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Thầy đã gần bốn mươi tuổi.
- Dáng người cao, hơi gầy, vẻ hoạt bát.
- Nước da ngăm ngăm khỏe mạnh.
- Thầy thường ăn mặc gọn gàng, lịch sự với chiếc áo sơ mi và quần tây giản dị

Tả chi tiết hình dáng:

- Tóc thầy rậm, cứng, hớt cao vừa phải.
- Khuôn mặt chữ điền có vẻ đẹp riêng đáng mến.
- Vàng trán cao đã có nếp nhăn, biểu hiện vẻ thông minh và từng trải.
- Đôi mắt to sáng, có lúc nghiêm khắc, có lúc hiền từ.
- Mũi cao, rất hợp với khuôn mặt.
- Miệng thầy hơi rộng, hay cười để lộ hàm răng trắng đều.
- Giọng nói của thầy to và rõ.

2. Tả tính tình:

- Thầy giáo em rất hiền, sống mực thước.
- Thầy giảng dạy tận tình và chu đáo. Thầy thường đặt câu hỏi giúp cho chúng em phát biểu tìm hiểu bài. Thầy hướng dẫn cho chúng em viết từng nét chữ. Thầy còn kể chuyện, đọc thơ rất hay.
- Thầy rất yêu thương học trò, hiền nhưng nghiêm khắc, không thiên vị.
- Thầy luôn hết lòng giúp đỡ các thầy cô đồng nghiệp cùng dạy tốt.
- Thầy là một giáo viên gương mẫu nên được tất cả học sinh yêu mến.

II. Kết luận:

- Không còn học với thầy nữa nhưng em luôn kính trọng và biết ơn thầy.
- Em hứa sẽ cố gắng học tốt để xứng đáng là trò giỏi của thầy.

Đề 2: Hằng ngày đến trường em đều gặp cô (thầy) hiệu trưởng. Em hãy tả hình dáng, tính tình cô (thầy) Hiệu trưởng của em.

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu cô (thầy) Hiệu trưởng.

- Mỗi ngày đi học em đều thấy cô (thầy) Hiệu trưởng ở trường.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Cô (thầy) Hiệu trưởng năm nay khoảng 40 tuổi.
- Vóc người đầy đặn, người tầm thước.
- Nước da của cô trắng hồng (Nước da thầy ngăm ngăm khoẻ mạnh).
- Cô thường mặc áo dài tha thướt (Thầy mặc quần tây áo sơ mi trông rất lịch sự).
- Mái tóc đen cắt phủ ngang vai (Tóc thầy rậm, cứng, hót cao vừa phải).
- Vàng trán cao ẩn chứa vẻ thông minh.
- Đôi mắt co (thầy) to, đen sáng, luôn mang cặp kính trông rất tri thức.
- Mũi cao cân xứng với khuôn mặt.
- Trên miệng luôn nở nụ cười tươi.
- Hai hàm răng trắng, đều như hai hạt bắp.
- Giọng nói cô (thầy) âm, sang sảng, ngân vang.
- Cô (thầy) rất nhanh nhẹn, cần mẫn trong khi làm việc.

2. Tả tính tình:

- Cô (thầy) thân tình, cởi mở, cương nghị.
- Cô (thầy) luôn quan tâm đến các hoạt động của nhà trường, thường xuyên dự giờ các lớp để giúp đỡ các thầy cô và kiểm tra chất lượng học tập của học sinh.
- Cô (thầy) cũng thường quan sát chúng em chơi và hỏi thăm việc học của chúng em.
- Cô (thầy) rất vui khi thấy bạn nào học giỏi cô (thầy) đều khen thưởng, những bạn nào phạm lỗi, cô (thầy) khuyên bảo nhẹ nhàng nhưng rất nghiêm nghị.
- Cô (thầy) thường đến trường rất sớm và ra về rất muộn.

III. Kết luận:

- Em rất yêu mến và kính trọng cô (thầy) hiệu trưởng.
- Hình ảnh cô (thầy) luôn là hình ảnh gương mẫu trong sáng cho chúng em noi theo.

Đề 3: Tả ông của em

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu ông ngoại (nội) sẽ tả.

- Ông ngoại (nội) đã dành hết tình thương của mình cho con cháu.
- Mỗi khi ba mẹ đi công tác xa, ông đã thay thế và chăm sóc em thật chu đáo.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Ông đã ngoài bảy mươi nhưng vẫn còn giữ được dáng dấp cao ráo, rắn rỏi.
- Màu da đậm, có nhiều chấm đồi mồi.
- Lưng hơi còng, ông vẫn đi lại nhanh nhẹn.
- Ông ăn mặc rất giản dị. Khi ở nhà hay ra phố, ông vẫn thường mặc áo sơ mi cũ nhưng thẳng nếp và cái quần dài.
- Mái tóc ông đã bạc trắng, luôn được cắt tỉa gọn gàng.
- Khuôn mặt ông không còn đầy đặn như trước. Vàng trán đã có nhiều nếp nhăn.
- Đôi mắt ông không còn tinh anh. Mỗi khi đọc sách báo hay xem truyền hình ông thường phải đeo kính.
- Đôi má hóp lại và khiến cái miệng móm mém.
- Răng ông đã rụng nhiều.
- Ông có nụ cười thật hiền và tươi tắn.
- Giọng nói của ông lúc trầm ấm, lúc cao vút đưa em lạc vào thế giới thần tiên của những câu chuyện cổ tích.

2. Tả tính tình:

- Tình thương của ông dành cho con cháu thật to lớn. Có những món gì ngon, có cái gì đẹp ông cũng đều nhường phần cho cả nhà.
- Đối với hàng xóm, ông sống hết lòng, sẵn sàng giúp đỡ khi có người gặp khó khăn.
- Ông ngoại (nội) em rất thích chăm sóc cây kiềng và đánh cờ tướng.
- Ông sống lạc quan, nhân hậu và lành mạnh nên ai cũng kính trọng ông.

III. Kết luận:

- Em luôn kính trọng và yêu thương ông.
- Em luôn tự nhắc mình phải học giỏi để ông vui lòng và sống mãi với em.

Đề 4: Em hãy tả hình dáng và tính tình của ba kính yêu.

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu ba của em.

- Ngoài tình thương của mẹ, ba đã nuôi dưỡng và dạy dỗ con cái bằng tấm lòng yêu thương vô bờ bến.
- Hình ảnh của ba luôn ngự trị trái tim em.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Ba em năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi trông ba trẻ trung hơn nhiều.
- Thân hình ba cao lớn, vạm vỡ và khoẻ mạnh.
- Làn da nâu sẫm và bóng bẩy.
- Ở nhà ba thường mặc áo thun, quần đùi màu nhạt. Khi đến cơ quan ba chỉnh tề trong bộ đồng phục quần tây dài và áo sơ mi.
- Mái tóc cắt gọn gàng, đã bắt đầu lốm đốm bạc.
- Khuôn mặt ba xương xương nhưng vuông vức bởi quai hàm bạnh.
- Vàng trán cao rộng đã có nếp nhăn.
- Đôi mắt to tròn, đen láy và sáng ngời.
- Giọng nói đặc biệt trầm bổng, chứa đựng tình cảm thiết tha.

2. Tả tính tình:

- Ba thường xuyên đỡ đần cho mẹ trong các công việc nhà. Dây điện hay đèn đóm trong nhà bị hư chỉ cần sửa một chút là xong.
- Ba rất thích đọc báo và xem sách lúc rảnh rỗi.
- Ba rất yêu thương con cái và hiếu thảo với ông bà. Đối với hàng xóm, ba sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn.
- Ba là một người rất nhân hậu nên cả gia đình và khu phố đều yêu quý và kính trọng ba.

III. Kết luận:

- Gia đình em luôn hòa thuận và hạnh phúc, ấm no là nhờ công ba rất lớn.
- Thương ba vất vả làm việc nuôi gia đình, em tự hứa sẽ cố gắng học thật giỏi, thật ngoan để ba vui lòng.

Đề 5: Em hãy tả hình dáng và tính tình của mẹ kính yêu.

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu mẹ của em.

- Nhắc đến hai đấng sinh thành em không thể nào quên được mẹ.
- Mẹ đã cho em hình hài và chăm sóc từ tấm bé đến bây giờ.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Mẹ em năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi.
- Tầm vóc mẹ không cao lắm, nhưng được cái vóc dáng khoẻ mạnh.
- Làn da của mẹ ngăm đen, bóng bẩy, mịn màng.
- Ở nhà cũng như đến cơ quan, mẹ luôn ăn mặc gọn gàng và giản dị.
- Mái tóc mẹ dài đen mượt luôn được búi lên cao sau gáy.
- Khuôn mặt mẹ đầy đặn, vừa sáng sủa vừa hiền hậu.
- Cái sống mũi tuy không cao nhưng nhỏ nhắn và thanh tú.
- Đôi gò má nõn nà, đôi môi đỏ thắm hé nở để lộ hàm răng trắng ngà, vừa đều vừa nhỏ.
- Giọng nói nhỏ nhẹ nhưng dứt khoát.
- Tuy nhỏ người, nhưng mẹ rất nhanh nhẹn. Mẹ làm việc nhà khéo tay và gọn gàng.

2. Tả tính tình:

- Mẹ rất hiền lành và cởi mở. Mẹ hết lòng yêu thương con cái và lo lắng cho gia đình.
- Đối với hàng xóm, mẹ sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn.
- Mẹ rất thích nấu ăn cho cả nhà ngon miệng.
- Lúc rảnh, mẹ thường may vá và đan áo cho em.
- Mẹ là một người phụ nữ đảm đang và là điểm tựa vững chắc cho các con

III. Kết luận:

- Còn có mẹ là niềm hạnh phúc lớn nhất của em.
- Em luôn kính yêu và biết ơn mẹ.

ĐỀ 6: Ở gia đình em (hoặc một gia đình mà em quen biết) có một em bé đang tuổi tập nói, tập đi em hãy tả hình dáng tính nết thơ ngây của em bé ấy.

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu em bé ấy.

- Em trai của em tên là Hoàng, nó đang tuổi tập nói, tập đi.
- Trông nó xinh xắn như chú chó bông nên cả nhà gọi là Cún con.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Cún con đã được một tuổi.
- Thân hình bé rất bụ bẫm.
- Nước da trắng hồng, mịn màng.
- Bé thường mặc đồ thun rộng mát có in hình các thú dễ thương.
- Mái tóc đen mượt, mềm phát phờ.
- Khuôn mặt bầu bĩnh. Cặp mắt tròn xoe, đen láy.
- Cái mũi tẹt, nhỏ nhắn, xinh xinh.
- Đôi má phún phính, hồng hồng.
- Cái miệng nho nhỏ với đôi môi đỏ chót, mỗi khi bé cười lại phô ra sáu chiếc răng trắng nõn, chân bé bước lon ton đi chửa vững.

2. Tả nét ngây thơ:

- Có tật hay nút tay, thích bắt chước, nói bập bễ, ngọng ngịu, tập đi một mình, vịn tay vào thành ghế, lẫm chẫm đi từng bước.
- Tập đi xe có đẩy: lạng qua bên này, lạng qua bên kia.

III. Kết luận:

- Bé là niềm vui cho cả nhà.
- Em mong bé chóng lớn để dạy cho bé nhiều điều hay.

ĐỀ 7: Tả người thân của em đang làm việc nhà (trồng cây, chăm sóc cây...)

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu người thân của em

- Như thường lệ, khi đi làm về, mẹ em thay đồ, rửa mặt và chuẩn bị bữa ăn cho gia đình.
- Em cũng phụ với mẹ vài việc lặt vặt.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Mẹ em năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi.
- Tầm vóc mẹ không cao lắm, nhưng được cái vóc dáng khoẻ mạnh.
- Làn da của mẹ ngăm đen, bóng bẩy, mịn màng.
- Ở nhà cũng như đến cơ quan, mẹ luôn ăn mặc gọn gàng và giản dị.
- Mái tóc mẹ đen mượt luôn được kẹp gọn sau gáy bởi cái kẹp đôi môi.
- Khuôn mặt mẹ đầy đặn vừa sáng sủa vừa phúc hậu.
- Dưới vầng trán cao là đôi mắt to tròn, đen láy.
- Đôi môi đỏ thắm hé mở để lộ hàm răng trắng ngà, vừa đều, vừa nhỏ.
- Giọng nói nhỏ nhẹ nhưng dứt khoát.
- Tuy nhỏ người nhưng mẹ rất nhanh nhẹn. Mẹ làm việc nhà khéo tay và gọn gàng.

2. Tả tính tình:

- Mẹ lấy tất cả thức ăn trong giỏ ra để từng thứ vào rổ.
- Mẹ lấy gạo nhờ em vo và bắc lên bếp.
- Mẹ cùng em lột rau, mẹ bày thớt và dao để xắt thịt thành từng lát nhỏ, đều đặn.
- Mẹ cầm từng con cá tươi rồi cắt sạch vi, đuôi, đánh sạch vảy, móc hết ruột và mang.
- Nồi con đã sôi, mẹ lấy đũa cả quậy tròn cho hạt gạo thấm đều nước rồi bớt lửa.
- Mẹ bắc nước luộc rau, sau đó mẹ xào thịt, chiên cá.
- Với tài nấu nướng khéo léo của mẹ, cơm canh đã được nấu xong, mùi thơm toả ra phung phức.

- Em giúp mẹ dọn chén bát, bung thức ăn ra bàn. Bữa cơm ngon lành diễn ra trong bầu không khí vui vẻ, ấm cúng. Ai cũng khen cơm ngon, canh ngọt.

III. Kết luận:

- Sau bữa cơm em càng thương mẹ hơn, em thầm cảm ơn mẹ hiền đã thổi nấu cực nhọc để cả nhà có bữa cơm ngon.
- Em tự hứa sẽ cố gắng học tập tốt và phụ giúp mẹ nhiều hơn

Đề 8: Tả người lao động (bác bảo vệ, cô lao công, cô thư viện,...đang làm việc)

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu cô lao công ở trường em.

- Cô tên là Hương.
- Cô làm việc ở trường đã lâu lắm rồi.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Cô năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi.
- Tầm vóc cao, to.
- Khuôn mặt mẹ đầy đặn và phúc hậu.
- Mái tóc cô dài, màu đen, hơi xoăn, t luôn được kẹp gọn gàng bằng cái kẹp.
- Đôi mắt to đen hai mí, dịu hiền.
- Cái mũi hơi cao, cánh mũi to.
- Miệng cô hơi rộng, hay cười, khi cười có lúm đồng tiền trông thật có duyên.
- Đôi tay khoẻ, làm việc nhanh nhẹn.
- Nước da ngăm ngăm có duyên.
- Khi đi làm cô mặc đồng phục, áo ngắn tay màu xanh dương, quần tây đen trông thật sạch sẽ, gọn gàng.
- Giọng nói nhẹ nhàng, dịu ngọt.

2. Hoạt động:

- Cô đến trường rất sớm.
- Sử dụng chổi chà để quét sân, lần lượt từ cổng trường cho đến các hành lang ở tầng trệt.
- Sau đó, cầm chổi lúa quét các phòng: Ban giám hiệu, phòng giáo viên, hai dãy hành lang của các lớp. Đôi tay cô thoăn thoắt quét sân rất sạch.
- Đun nước pha trà, rửa li.

- Khi làm việc, mồ hôi nhễ nhại, cô dùng tay lại quét những giọt mồ hôi đang nhỏ xuống.
- Đang quét có một bạn sơ ý đá vào đồng rác cô đang gom, cô cũng không hề la mắng to tiếng mà chỉ nhẹ nhàng nhắc nhở: “Con đi cẩn thận kéo đá vào rác, bụi tung lên đấy!”.
- Sau giờ chơi, cô lại quét dọn sơ lại sân trường một lần nữa. Vì sự cần mẫn của cô, các học sinh chúng em cũng có ý thức không xả rác bừa bãi nên trường em lúc nào cũng sạch sẽ.
- Cuối giờ học, cô đến các lớp gom các bao rác ở các lớp lại bỏ vào thùng rác lớn.
- Sau giờ chơi, giờ về cô đều đội rửa, lau chùi nhà vệ sinh.
- Kết quả là sân trường em lúc nào cũng sạch sẽ, không có rác.
- Nhà vệ sinh sạch sẽ, không có mùi hôi.
- Khi y tế của phòng về kiểm tra vệ sinh, trường em được đánh giá tốt. Đó là nhờ công lao của cô.

III. Kết luận:

- Em rất yêu mến cô.
- Nhờ công lao cô mà trường luôn sạch đẹp.
- Chúng em quyết tâm thực hiện nếp sống văn minh để ngôi trường em luôn sạch, xanh và đẹp.

Đề 9: Lớp trưởng của em hẳn là người bạn được nhiều người quý mến. Hãy tả hình dáng, tính tình của bạn ấy.

I. Mở bài: Giới thiệu bạn lớp trưởng

- Bạn lớp trưởng em là (Thu Hiền).
- Bạn là một học sinh gương mẫu được bạn bè quý mến, thầy cô hài lòng.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Bạn tròn mười tuổi, cùng tuổi với chúng em.
- Bạn có thân hình nhỏ nhắn nhưng rất nhanh nhẹn.
- Làn da trắng hồng, mịn màng nhưng rất khoẻ mạnh.
- Bạn ăn mặc rất gọn gàng, sạch sẽ, áo trắng quần tây xanh và chiếc khăn quàng đỏ luôn nằm trên vai.

- Mái tóc dài xõa ngang vai.
- Khuôn mặt tròn trĩnh với đôi gò má bầu bệu.
- Vàng trán cao ẩn chứa vẻ thông minh.
- Đôi mắt to tròn đen láy, sáng long lanh.
- Mũi cao, xin xắn, phập phồng khi được cô khen.
- Đôi môi đỏ hồng luôn chúm chím khi cười.
- Miệng nhỏ hay cười, khi cười hai má lúm đồng tiền trông rất xinh.
- Giọng nói nhỏ nhẹ dịu dàng nhưng cũng rất nghiêm khắc.

2. **Tả tính tình:**

- Rất chăm học, biết cách học tập nên luôn đạt điểm cao.
- Luôn gương mẫu về mọi mặt trong lớp, lúc nào cũng hoàn thành tốt công việc được giao.
- Bạn cũng biết lo cho tập thể lớp, động viên các bạn tham gia tốt phong trào, giúp đỡ các bạn học gần tiến bộ.
- Ở nhà, bạn còn là con ngoan, siêng năng luôn đỡ đần cha mẹ một số công việc nhà như: nấu cơm, quét nhà, trông em,...

III. **Kết luận:**

- Bạn không những là lớp trưởng giỏi mà còn là người bạn thân của em.
- Bốn năm liền bạn đạt danh hiệu học sinh giỏi nên cô giáo chủ nhiệm luôn lấy bạn là tấm gương cho cả lớp noi theo.
- Em hứa sẽ noi gương bạn học tập tốt, ngoan ngoãn để bố mẹ vui lòng.

Đề 10: Em hãy tả hình dáng và tính tình một người anh mà em thích nhất.

Dàn bài chi tiết

I. **Mở bài:** Giới thiệu anh của em

- Anh Hai của em tên là Tuấn Huy, anh là người chỉ bảo cho em rất nhiều điều bổ ích.
- Anh đi bộ đội và đang được về nghỉ phép thăm nhà.

II. **Thân bài:**

1. **Tả ngoại hình:**

- Anh Huy năm nay mới hai mươi lăm tuổi.
- Anh có vóc người cao to, vạm vỡ trong rất khoẻ mạnh.

- Nướn da sạm nắng thao trường cho anh nét từng trải của người lính.
- Anh mặc đồ quân phục xanh rêu rất chỉnh tề, vai đeo chiếc ba-lo con cóc.
- Mái tóc hớt cao, đường ngôi rẽ thẳng tắp.
- Khuôn mặt vuông rám nắng, đầy nghị lực.
- Vàng trán cao chứa đựng vẻ thông minh.
- Đôi mắt đen sáng long lanh.
- Sóng mũi cao. Miệng rộng duyên dáng.
- Hàm răng trắng đều như những hạt bắp.
- Dáng đi nhanh nhẹn, vững chắc dứt khoát.

2. Tả tính tình:

- Anh rất thương yêu chăm sóc mọi người.
- Giúp đỡ bố mẹ sửa mấy chỗ mái nhà bị dột, thay bóng đèn hư.
- Sắp xếp lại đồ đạc trong nhà cho ngăn nắp.
- Trang trí góc học tập của em gọn gàng, đẹp mắt.
- Kể chuyện tập luyện ở thao trường, về cuộc sống của bộ đội cho em nghe.
- Khi về phép, thường dạy em họ, khuyên nhủ em những điều hay, lẽ phải.
- Anh sống rất giản dị, chan hoà, gần gũi, luôn giúp đỡ mọi người nên ai cũng quý.

III. Kết luận:

- Rất quý mến và cảm phục anh.
- Sẽ học tập tác phong giản dị, cởi mở của anh.

Đề 11: Em hãy tả hình dáng và tính tình một người chị mà em thích nhất.

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài: Giới thiệu chị của em

- Chị của em tên rất đẹp Tuyết Hà, chị là người rất gần gũi với em và được cả nhà thương yêu.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình:

- Chị năm nay mới hai mươi tuổi.
- Chị có dáng người tầm thước, nhỏ nhắn.
- Làn da hồng hào, mịn màng.
- Mái tóc đen huyền buông xoã ngang vai.
- Vàng trán không cao lắm, nhưng chứa đựng vẻ thông minh.
- Đôi mắt tròn to, đen như hạt nhãn, hai hàng lông mi dài và cong.
- Mũi dọc dừa, nhỏ nhắn thật xinh

2. Tả tính tình:

- Chị rất hiền.
- Chị học rất giỏi, thông minh.
- Phụ mẹ làm việc nhà: nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn ngon không thua gì mẹ.
- Đặc biệt chị còn biết làm bánh. Chị đan thêu giỏi. Chị đạt giải III trong cuộc thi cắm hoa của trường.
- Chăm lo việc học hành cho các em, kiểm tra bài vở hằng ngày, chỉ em làm những bài toán khó.
- Khuyên nhủ em làm những điều hay, lẽ phải. Chị sống rất giản dị, chan hòa, gần gũi, luôn giúp đỡ mọi người nên ai cũng quý.

III. Kết luận:

- Rất yêu mến và cảm phục chị.
- Chị là tấm gương sáng cho em noi theo.